PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Unit 13 In the maths class · Lesson 1–2 (SGK tr. 57–58)

Tuần 27

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

ele[ ]en (số 11) tw[ ]lve (số 12) th[ ]teen (số 13)

four[ ]een (số 14) fif[ ]een (số 15) eleve[ ] (số 11)

Bài 2: Match – nối hình với từ

	cake
	sliding
	riding
	driving
	grapes

Bài 3: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. eleven	a. 13
2. twelve	b. 15
3. thirteen	c. 11
4. fifteen	d. 12

Bài 4: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. 13 đọc là gì? (A) thirteen (B) fourteen (C) fifteen
2. 11 đọc là gì? (A) twelve (B) eleven (C) thirteen
3. 15 đọc là gì? (A) fourteen (B) eleven (C) fifteen
4. Từ nào kết thúc bằng chữ n? (A) eleven (B) twelve (C) table

Bài 5: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: grapes cake

Chưa cần viết câu.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN — TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 27

Bài 1: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

eleven (số 11) twelve (số 12) thirteen (số 13) fourteen (số 14) fifteen (số 15)

eleven (số 11)

Bài 2: Match – nối hình với từ

🍇 – grapes 🍰 – cake 🛝 – sliding 🚴 – riding 🚗 – driving

Bài 3: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – **c** 2 – **d** 3 – **a** 4 – **b**

Bài 4: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **A** (thirteen) 2. **B** (eleven) 3. **C** (fifteen) 4. **A** (eleven)

Bài 5: Copy the words – chép 2 từ

grapes cake

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án